



SAFETY DATA SHEET

Bảng dữ liệu an toàn hóa chất (SDS) — Lập
theo Thông tư số 32/2017/TT-BCT của Bộ
Công Thương và các văn bản sửa đổi, bổ
sung.

Version number: 1

Issued: 2026-02-05

ZF PowerFluid Pro 1

MỤC 1: Identification of the substance/mixture and of the company/undertaking

1.1. Mã phân loại sản phẩm theo GHS hoặc các nhận dạng khác của sản phẩm/hóa chất

Hình thức sản phẩm

ZF PowerFluid Pro

5961.309.673

1.2. Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng

Hỗn hợp

Khuyến cáo sử dụng

Tác nhân bôi trơn

Hạn chế sử dụng

Không có

1.3. Thông tin nhà cung cấp

Global Division B Product Compliance Mgmt. System (BWC)

Nhà cung cấp

ZF Asia Pacific

Address

Aruna, 6th floor,
IPH Tower,
241 Xuan Thuy,
Cau Giay ward
100000, Hanoi
Vietnam

Telephone

84 865 823 299

Email

msds.zf-aftermarket@zf.com

Web site

www.zf.com/contact

1.4. Số khẩn cấp

+49 89 19 240; 112



SAFETY DATA SHEET

*Bảng dữ liệu an toàn hóa chất (SDS) — Lập
theo Thông tư số 32/2017/TT-BCT của Bộ
Công Thương và các văn bản sửa đổi, bổ
sung.*

Version number: 1

Issued: 2026-02-05

ZF PowerFluid Pro 1

MỤC 2: Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

2.1. Phân loại theo GHS

Phân loại theo thông tư 32/2017/TT-BCT: Không phân loại

2.2. Các yếu tố nhãn theo GHS

Không ghi nhãn

2.3. Các thông tin nguy hại khác

Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 3: Thông tin về thành phần các chất

3.2. Hỗn hợp chất

Hỗn hợp này không chứa bất cứ chất nào cần được nhắc tới theo các quy định hiện hành
Văn bản các câu H: tham khảo mục 16



SAFETY DATA SHEET

Bảng dữ liệu an toàn hóa chất (SDS) — Lập
theo Thông tư số 32/2017/TT-BCT của Bộ
Công Thương và các văn bản sửa đổi, bổ
sung.

Version number: 1

Issued: 2026-02-05

ZF PowerFluid Pro 1

MỤC 4: Biện pháp sơ cứu về y tế

4.1. Mô tả biện pháp sơ cứu

Đưa người liên quan ra nơi thoáng khí và giữ ở tư thế dễ thở. Liên hệ với bác sĩ để được tư vấn/theo dõi nếu bạn cảm thấy không khỏe.

Sơ cứu khi có tiếp xúc với mắt

Rửa da lại với nhiều nước.

Sơ cứu khi có tiếp xúc với mắt

Rửa lại với nước một cách cẩn thận trong vòng nhiều phút. Tháo kính sát tròng nếu có và nếu có thể tháo dễ dàng. Tiếp tục rửa. Nếu kích ứng mắt kéo dài: Liên lạc với bác sĩ để được tư vấn/theo dõi.

Sơ cứu trong trường hợp nuốt phải

Enjuagarse la boca. Gợi cho trung tâm chống độc hoặc bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe.

4.2. Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này

Hiện chưa có thông tin bổ sung

4.3. Các chỉ thị và hướng dẫn cấp cứu đặc biệt cần thiết

Điều trị triệu chứng.

MỤC 5: Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

5.1. Các phương tiện chữa cháy thích hợp

Chất chữa cháy thích hợp

Nước phun. Bột khô. Cacbon đioxit (CO₂). Dập các đám cháy lớn bằng phun nước hoặc bột chống cồn.

Tác nhân tiêu hủy không tương ứng

Không sử dụng tia nước quá mạnh để tránh gây lan truyền hỏa hoạn.

5.2. Các chất độc được sinh ra khi bị cháy

Có thể giải phóng khói độc.

5.3. Phương tiện, trang phục bảo hộ và cảnh báo cần thiết khi chữa cháy

Hiện chưa có thông tin bổ sung



SAFETY DATA SHEET

Bảng dữ liệu an toàn hóa chất (SDS) — Lập
theo Thông tư số 32/2017/TT-BCT của Bộ
Công Thương và các văn bản sửa đổi, bổ
sung.

Version number: 1

Issued: 2026-02-05

ZF PowerFluid Pro 1

MỤC 6: Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

6.1. Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố

Thông gió khu vực có sản phẩm vương đổ.

Không can thiệp khi không được trang bị bảo hộ thích hợp. Để biết thêm chi tiết, tham khảo mục 8 "Giới hạn tiếp xúc-an toàn cá nhân".

6.2. Các cảnh báo về môi trường

Tránh thải ra môi trường

6.3. Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố

Thu hồi sản phẩm bị vương đổ.

Quy trình làm sạch : Thấm bằng sản phẩm thấm hút trơ (ví dụ như cát, mật, chất dính thông dụng, chất gel silica)

Các thông tin khác

Tiêu hủy các vật liệu hoặc cặn rắn tại cơ sở được cấp phép.

MỤC 7: Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

7.1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm

Biện pháp phòng ngừa cần có cho thao tác an toàn

Đảm bảo thông thoáng nơi làm việc. Đeo thiết bị bảo vệ cá nhân.

Biện pháp vệ sinh

Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm trên.

Rửa tay sau mỗi lần thao tác

7.2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản

Kho trữ tại nơi có thông gió tốt. Bảo quản lạnh. Bảo quản thùng chứa đóng kín và tránh môi trường ẩm ướt.



SAFETY DATA SHEET

Bảng dữ liệu an toàn hóa chất (SDS) — Lập
theo Thông tư số 32/2017/TT-BCT của Bộ
Công Thương và các văn bản sửa đổi, bổ
sung.

Version number: 1

Issued: 2026-02-05

ZF PowerFluid Pro 1

MỤC 8: Kiểm soát phơi nhiễm/yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

8.1 Các thông số kiểm soát

Hiện chưa có thông tin bổ sung

8.2. Các biện pháp kiểm soát thiết bị phù hợp

Kiểm tra kỹ thuật theo quy định

Đảm bảo thông thoáng nơi làm việc.



Bảo vệ mắt / mặt

Mắt kính bảo hộ

Bảo vệ tay

Găng bảo hộ

Vật liệu: Cao su nitril (NBR)

Quá trình thẩm thấu: 6 (> 480 phút)

Độ dày (mm): ≥ 0.38

Bảo vệ da khác

Trang bị quần áo bảo hộ thích hợp

Bảo vệ hô hấp

Trong trường hợp thông gió không đủ, mang thiết bị hỗ trợ hô hấp thích hợp

Kiểm soát phơi nhiễm môi trường

Tránh thải ra môi trường.

MỤC 9: Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Trạng thái vật lý

Chất lỏng

Màu sắc

màu hổ phách



SAFETY DATA SHEET

Bảng dữ liệu an toàn hóa chất (SDS) — Lập
theo Thông tư số 32/2017/TT-BCT của Bộ
Công Thương và các văn bản sửa đổi, bổ
sung.

Version number: 1

Issued: 2026-02-05

ZF PowerFluid Pro 1

Mùi đặc trưng

mùi đặc trưng

Điểm nóng chảy, Điểm đóng băng

Điểm đóng băng: Không áp dụng được

Boiling point or initial boiling point and boiling range

Hiện chưa có thông tin bổ sung

Tính bắt lửa (rắn, khí)

Không bắt lửa (rắn, khí)

Giới hạn nổ

Không áp dụng được

Điểm cháy

230 °C

Giới hạn nổ

Không áp dụng được

Decomposition temperature

Hiện chưa có thông tin bổ sung

pH

Hiện chưa có thông tin bổ sung

Độ nhớt, động học

105 mm²/s (40 °C)

Độ hòa tan

Không tan trong nước.

Mật độ tương đối

Hiện chưa có thông tin bổ sung

Vapour pressure

Hiện chưa có thông tin bổ sung

Mật độ

0.86 g/cm³ (15 °C)



SAFETY DATA SHEET

Bảng dữ liệu an toàn hóa chất (SDS) — Lập
theo Thông tư số 32/2017/TT-BCT của Bộ
Công Thương và các văn bản sửa đổi, bổ
sung.

Version number: 1

Issued: 2026-02-05

ZF PowerFluid Pro 1

MỤC 10: Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

10.1. Khả năng phản ứng

Sản phẩm không mang tính kích hoạt trong điều kiện sử dụng, kho trữ và vận chuyển thông thường

10.2. Tính ổn định

Ổn định trong điều kiện bình thường.

10.3. Phản ứng nguy hiểm

Không có phản ứng nguy hiểm được biết đến trong điều kiện sử dụng bình thường

10.4. Các điều kiện cần tránh

Không có trong điều kiện kho trữ và thao tác khuyến cáo (xem mục 7).

10.5. Vật liệu không tương thích

Axit mạnh, Bazơ mạnh, Chất oxy hóa mạnh

10.6. Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy

Oxit cacbon (CO, CO₂).

MỤC 11: Thông tin về độc tính

11.1. Độc cấp tính

Độ độc cấp tính (qua đường tiêu hóa)

Không phân loại

Độ độc cấp tính (qua da)

Không phân loại

Độ độc cấp tính (qua đường hô hấp)

Không phân loại

Ăn mòn da/kích ứng da

Không phân loại

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

Không phân loại



SAFETY DATA SHEET

Bảng dữ liệu an toàn hóa chất (SDS) — Lập
theo Thông tư số 32/2017/TT-BCT của Bộ
Công Thương và các văn bản sửa đổi, bổ
sung.

Version number: 1

Issued: 2026-02-05

ZF PowerFluid Pro 1

Nhạy cảm đường hô hấp hoặc trên da

Không phân loại

Tính gây đột biến trên các tế bào mầm

Không phân loại

Mức độc tính đặc biệt trên một số cơ quan (tiếp xúc

một lần)

Không phân loại

Mức độc tính đặc biệt trên một số cơ quan (tiếp xúc

lặp lại)

Không phân loại

Nguy cơ khi hít phải

Không phân loại

MỤC 12: Thông tin về sinh thái

12.1. Độc môi trường

Sinh thái - tổng quát

Không phân loại

Nguy hại cho môi trường thủy sinh, ngắn hạn (cấp)

Không phân loại

Nguy hại cho môi trường thủy sinh, lâu dài (mãn)

Không phân loại

12.2. Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

Hiện chưa có thông tin bổ sung

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

Hiện chưa có thông tin bổ sung

12.3. Khả năng tích lũy sinh học

Hiện chưa có thông tin bổ sung



SAFETY DATA SHEET

Bảng dữ liệu an toàn hóa chất (SDS) — Lập
theo Thông tư số 32/2017/TT-BCT của Bộ
Công Thương và các văn bản sửa đổi, bổ
sung.

Version number: 1

Issued: 2026-02-05

ZF PowerFluid Pro 1

12.4. Độ linh động trong đất

Tính lưu động dưới đất

Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 13: Thông tin về thải bỏ

MỤC 13: Thông tin về thải bỏ

Phương pháp xử lý chất thải:

Tiêu hủy sản phẩm/bình chứa theo đúng hướng dẫn phân loại của bên xử lý được công nhận.

MỤC 14: Thông tin khi vận chuyển

14.1 Số hiệu UN

Không theo quy định

14.2 Công ty vận chuyển

ADR / RID / ADN Tên vận chuyển thích
hợp

Không theo quy định

IMDG Tên vận chuyển thích hợp

Không theo quy định

IATA Tên vận chuyển thích hợp

Không theo quy định

14.3 Phân loại nguy hiểm cho việc vận chuyển

Nhãn

Không theo quy định

ADR / RID

Không theo quy định



SAFETY DATA SHEET

Bảng dữ liệu an toàn hóa chất (SDS) — Lập
theo Thông tư số 32/2017/TT-BCT của Bộ
Công Thương và các văn bản sửa đổi, bổ
sung.

Version number: 1

Issued: 2026-02-05

ZF PowerFluid Pro 1

IMDG

Không theo quy định

IATA

Không theo quy định

ADN

Không theo quy định

14.4 Phân nhóm đóng gói

Không theo quy định

14.5 Nguy cơ môi trường

Không theo quy định

IMDG Chất gây ô nhiễm biển

Không theo quy định

14.6. Vận chuyển trong tàu lớn

Không áp dụng được

14.7. Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý, cần tuân thủ trong vận chuyển

Không áp dụng được

MỤC 15: Thông tin về pháp luật

15.1. Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất

Luật hóa chất

Việt Nam Phụ lục I: Danh Mục Hóa Chất Sản Xuất, Kinh Doanh Có Điều Kiện Trong Lĩnh Vực Công Nghiệp: Không áp dụng được

Việt Nam Phụ lục II: Danh Mục Hóa Chất Hạn Chế Sản Xuất, Kinh Doanh Trong Lĩnh Vực Công Nghiệp: Không áp dụng được

Việt Nam Phụ lục III: Danh mục hóa chất cấm: Không áp dụng được

Việt Nam Phụ lục IV: Danh mục hóa chất nguy hiểm phải xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất:

Việt Nam Phụ lục V: Danh mục hóa chất phải khai báo: Không áp dụng được

Danh Sách Hóa Chất (NCI)

Danh Sách Hóa Chất (NCI): Không áp dụng được



SAFETY DATA SHEET

*Bảng dữ liệu an toàn hóa chất (SDS) — Lập
theo Thông tư số 32/2017/TT-BCT của Bộ
Công Thương và các văn bản sửa đổi, bổ
sung.*

Version number: 1

Issued: 2026-02-05

ZF PowerFluid Pro 1

15.2. Các quy định quốc tế

Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 16: Các thông tin cần thiết khác

Các thông tin trong phiếu dữ liệu an toàn trên được thực hiện dựa trên hiểu biết của chúng tôi để phục vụ cho sức khỏe, an toàn và môi trường. Các thông tin trên không thể được nhầm lẫn với bất kì đảm bảo nào cho bất kì đặc tính nào của sản phẩm.